

Bản án số: 160/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2019.
V/v: “Ly hôn giữa chị Võ Thị T
và anh Dương Văn Đ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn;
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 04 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 409/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1984 (yêu cầu xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: 31/1 ấp GH, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Nơi cư trú: 31/1 ấp GH, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Võ Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2018 và trong quá trình tố tụng chị T trình bày:

Chị T và anh Đ kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã GT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/5/2007. Chị và anh Đ có 01 con chung là Dương Thế H, sinh ngày 08/7/2007, hiện nay đang sống cùng với chị T.

Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, nhưng về sau hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể hòa hợp được. Chị T có nhiều lần hàn

gắn để hạnh phúc nhưng không có kết quả. Hai bên đã ly thân từ hơn một năm nay. Hiện nay, chị và anh Đ không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ;
- Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Thế Hiền, sinh ngày 08/7/2007, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Dương Văn Đ vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Điều 48, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa chấp hành đúng quy định Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 235, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị T;
- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.
- Về con chung: Chị T được trực tiếp nuôi con chung là Dương Thế H, sinh ngày 08/7/2007; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.
- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị T trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của chị Võ Thị T thì anh Dương Văn Đ có đăng ký hộ khẩu và có sinh sống tại ấp Giao Hòa A, xã GT, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh Đ.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Võ Thị T và anh Dương Văn Đ cưới nhau vào năm 2007 trên tinh thần tự nguyện. Chị T và anh Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GT, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre vào năm 2007 là hôn nhân hợp pháp. Anh chị có 01 con chung là cháu Dương Thế H, sinh ngày 08/7/2007. Thời gian đầu, anh chị sống chung hạnh phúc. Sau đó, hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai bên cũng có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả dẫn đến việc ly thân. Trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình. Từ khi ly thân, hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ thông qua chính quyền địa phương của chị T và anh Đ về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ thì tình trạng hôn nhân hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống và sinh hoạt. Anh Đ thường xuyên đi làm xa không có ở nhà. Anh Đ không quan tâm, chăm sóc vợ, con và gia đình, chị T phải tự lo cuộc sống về vật chất lẫn tinh thần cho chị và cho con chị. Sau khi ly thân, hai bên đều có cuộc sống độc lập, không ai còn quan tâm ai. Xác định chị T và anh Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở, phù hợp tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung là Dương Thế H, sinh ngày 08/7/2007. Xét thấy, từ lúc chị T và anh Đ sống ly thân cho đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, cháu H có nguyện vọng sống với chị T, chị T

không yêu cầu Diệp cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T.

[5] Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo qui định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Võ Thị T. Chấp nhận cho chị Võ Thị T được ly hôn với anh Dương Văn Đ.

2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về con chung: Chị Võ Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Dương Thế H, sinh ngày 08/7/2007. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Đ có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

4. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Võ Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0021597 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã GT, huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương